

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025, KẾ HOẠCH NĂM 2026
Xã Ba Đình, tỉnh Quảng Ngãi

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024 (theo số giao của tỉnh)	Kế hoạch năm 2025 (UBND tỉnh giao)	Kết quả thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH 2025/ KH 2025 (%)	Ghi chú
1	Nông nghiệp							
	- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	3.522	3.463	3.853,58	3.607,08	111,3	
	Trong đó: + Lúa	Tấn	3.490	3.422	3.821,30	3.574,80	111,7	
	+ Ngô	Tấn	32	41	32,28	32,28	78,7	
	- Một số cây trồng chủ yếu							
	+ Lúa: Diện tích	Ha	594	585	641,41	600,00	109,6	
	Năng suất	Tạ/ha	58,7	58,5	59,58	59,58	101,8	
	Sản lượng	Tấn	3.490	3.422	3.821,30	3.574,80	111,7	
	+ Ngô: Diện tích	Ha	7	9	7,10	7,10	78,9	
	Năng suất	Tạ/ha	45,6	45,6	45,46	45,46	99,7	
	Sản lượng	Tấn	32	41	32,28	32,28	78,7	
	+ Lạc: Diện tích	Ha		3	0,00		0,0	
	Năng suất	Tạ/ha		22,3	0,00		0,0	
	Sản lượng	Tấn		7	0,00		0,0	
	+ Đậu: Diện tích	Ha	1	1	1,34	2,00	134,0	
	Năng suất	Tạ/ha	17,8	16,0	17,61	17,00	110,1	
	Sản lượng	Tấn	2	2	2,36	3,40	147,5	
	+ Sắn: Diện tích	Ha	15	14	11,00	11,00	78,6	
	Năng suất	Tạ/ha	165,0	165,0	182,80	182,80	110,8	
	Sản lượng	Tấn	254	231	201,08	201,08	87,0	
	+ Rau: Diện tích	Ha	9	9	10,34	11,00	121,6	
	Năng suất	Tạ/ha	65	49,0	59,63	59,00	121,7	
	Sản lượng	Tấn	59	42	61,66	64,90	148,0	
	- Đàn gia súc:							
	+ Đàn trâu	Con	3.322	3.322	2.611	2.407	78,6	
	+ Đàn bò	Con	500	500	514	514	102,8	
	Tỷ trọng bò lai	%	55,0	55,0	55,0	55,0	100,0	
	+ Đàn lợn	Con	3.350	3.400	2.716	2.750	79,9	
	+ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	379	472	324	350	68,7	
2	Lâm nghiệp							
	- Trồng mới rừng tập trung	Ha	964	905	1.091	1.091	120,6	
	Trong đó: + Trồng rừng phòng hộ	"	-	-				
	+ Trồng rừng sản xuất	"	964	905	1.091	1.091	120,6	
	- Diện tích rừng trong Quy hoạch 3 loại rừng	Ha	6.876,3	6.863,5	6.876,3	6.876,3	100,2	
	Trong đó: + Rừng phòng hộ	"	2.297	2.292	2.297	2.297	100,2	
	+ Rừng sản xuất	"	4.579,7	4.571,1	4.579,7	4.579,7	100,2	
3	Thủy sản							
	- Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	2,0	7,0	7,1	7,0	101,3	
	- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	"	0,7	0,6	0,0		0,0	
	Trong đó: Tôm nuôi	Tấn						
	- Diện tích nuôi trồng	Ha	1,3	1,0	0,0		0,0	
	Trong đó: Nuôi tôm	"			0			
4	Thủy lợi							
	- Tổng diện tích được tưới	Ha	625,27	625,27	625,27	625,27	100,0	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024 (theo số giao của tỉnh)	Kế hoạch năm 2025 (UBND tỉnh giao)	Kết quả thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	KH 2025/ KH 2025 (%)	Ghi chú
	<i>Trong đó: Tưới bằng công trình kiên cố</i>	"	474,50	474,50	474,50	474,50	100,0	